BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đồng Thị Huyền

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đồng Thị Huyền

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đồng Thị Huyền Mã SV: 1312401151

Lớp : QT1703K Ngành : Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1.Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Trình bày cơ sở lí luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Trình bày thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh

- Trình bày giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

2.Đưa ra các số liệu cần thiết để tính toán.

- Các văn bản nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

- Đưa ra các quy chế, quy định về kế toán, tài chính tại doanh nghiệp.

- Hệ thống kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh năm 2016.

3.Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

- Trụ sở chính: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên, khu Phương Lưu 1, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :……

Học hàm, học vị :…….

Cơ quan công tác: ……

Nội dung hướng dẫn:……

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Hải phòng, ngày…tháng….năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NSƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên ***Đồng Thị Huyền*** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủy Linh. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủy Linh. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: **.....** Bằng chữ: **.....**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. 3
1.1.Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán 3
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua. 4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua. 4
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua 5
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua 6
1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán 8
1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán. 8
1.3.2.Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán. 8
1.3.3.Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán. 10
1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ 12
1.4.1.Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán. 12
1.5.Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp. 14
1.5.1.Hình thức Nhật ký chung 15
1.5.2.Hình thức Nhật ký- Sổ cái 16
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ. 18
1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính 19
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH 21
2.1.Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh 21
2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 21
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 22
2.1.3. Công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thủy Linh. 23
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán. 23
2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng của doanh nghiệp 24

2.1.3.3 Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán được áp dụng tại công ty. 25
2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán. 27
2.2.Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 27
2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 27
2.2.2.Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh 28
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 46
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH. 67
3.1.Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 67
3.1.1.Ưu điểm. 67
3.1.2. Hạn chế. 68
3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán. 70
3.3.Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán. 70
3.4.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh. 71
KẾT LUẬN 82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 83

LỜI MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh đã và đang luôn luôn nỗ lực để đưa ra những biện pháp đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp của mình. Trong đó, nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần quan trọng trong duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Đứng trước nhiều khó khăn về thị trường và cạnh tranh, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh cần phải có nhiều biện pháp quản lý tốt hơn, cần có hệ thống kế toán công nợ hoàn chỉnh và phù hợp với doanh nghiệp. Nhờ đó để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, em đã thấy được tầm quan trọng của kế toán công nợ đối với doanh nghiệp, em đã chọn đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh" để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của em.

2.Mục đích nghiên cứu của đề tài .

- Nghiên cứu những lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Đưa ra thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

- Từ đó, đưa ra những đề xuất hợp lý giúp Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu : công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

- Phạm vi nghiên cứu : Số liệu năm 2016 của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán

- Đưa ra số liệu cụ thể và so sánh.

- Nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu khóa luận.

Gồm 3 chương :

Chương 1: Cơ sở lí luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Em xin cảm ơn sự tận tình chỉ bảo và giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn – ThS. Nguyễn Văn Thụ , cùng các anh chị cô chú trong Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Em đã cố gắng rất nhiều nhưng do hiểu biết còn hạn hẹp nên bài luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được hơn nữa sự chỉ bảo của thầy cô để có thể hoàn thiện hơn về kiến thức và kĩ năng cần có của mình sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1.Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.

- Thanh toán là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

- Phương thức thanh toán là cách thức thực hiện việc thanh toán của người mua với người bán về các khoản phải thu , phải trả , các khoản vay trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Có 2 phương thức thanh toán chính là: **trả ngay và trả chậm.**

*** Phương thức thanh toán trả ngay:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng).

*** Phương thức thanh toán trả chậm**: Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thoả thuận.

+ **Có 2 hình thức thanh toán chính là**: **Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.**

*** Hình thức thanh toán bằng tiền mặt.**

Hiện nay các cơ quan, tổ chức Nhà nước nói riêng và các doanh nghiệp nói riêng hạn chế sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dành cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Phương thức này có thể chia thành:

-Thanh toán bằng Việt Nam Đồng.

-Thanh toán bằng ngoại tệ.

-Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hoặc các giấy tờ có giá trị.

*** Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt.**

- Là hình thức thanh toán qua ngân hàng , là tổng hợp các mối quan hệ chi trả tiền tệ được thực hiện bằng cách trích chuyển từ tài khoản của người này sang tài khoản của người khác tại ngân hàng mà không dùng tiền mặt.

- Các hình thức thanh toán không bằng tiền mặt như:

+ *Hình thức thanh toán bằng Uỷ nhiệm chi*: (hoặc lệnh chi) là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

Ủy nhiệm chi phải do khách hàng lập, ký và chỉ căn cứ vào lệnh đó để trích tiền từ tài khoản khách hàng chuyển trả cho đơn vị thụ hưởng. Việc Ngân hàng tự động trích tài khoản của khách hàng là không được phép trừ trường hợp đã có thỏa thuận trước bằng văn bản.

+ *Hình thức nhờ thu phiếu trơn*: Nhờ thu phiếu trơn là phương thức thanh toán mà người bán ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối piếu từ người mua, không gửi kèm theo bất cứ một chứng từ nào. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hang nhờ thu tiền.

+ *Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ*: Phương thức nhờ thu kèm chứng từ là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.

- Nghiệp vụ thanh toán với người bán phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi thời điểm bán hàng và thu tiền không cùng một thời điểm.

- Phải chi tiết khoản phải thu, phải trả theo từng người mua, không được phép bù trừ khoản phải thu, phải trả giữa các đối tượng khác nhau (trừ khi có sự thỏa thuận giữa các doanh nghiệp).

- Phải tổng hợp tình hình thanh toán với người mua theo tính chất nợ phải thu hay nợ phải trả trước khi lập báo cáo.

- Đối với các khoản phải thu, phải trả người mua có gốc ngoại tệ thì vừa phải theo dõi được bằng đơn vị ngoại tệ, vừa phải quy định đổi thanh VNĐ theo tỉ giá hối đoái thích hợp và thực hiện điều chỉnh tỉ giá khi lập báo cáo năm.

- Việc hạch toán chi tiết nghiệp vụ thanh toán với người mua (khách hàng) được ghi chép hàng ngày trên cơ sở lấy thông tin từ các chứng từ liên quan.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu lẫn hiện vật. Cuối kì cần điều chỉnh số dư theo tỉ giá thực tế.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua.

a. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng bán hàng:
- Phiếu xuất kho : Mẫu số 02-VT
- Phiếu thu: Mẫu số 01-TT
- Hóa đơn GTGT: Mẫu số 01GTKT-3LL
- Giấy báo có ngân hàng
- Biên bản bù trừ công nợ
- Giấy nộp tiền
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ có liên quan khác.

b. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 131 (phải thu của khách hàng): Tài khoản này sử dụng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, cung cấp dịch vụ.

Kết cấu của tài khoản 131 như sau:

Bên nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và đã được xác định bán trong kỳ.

Bên có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước cho khách hàng
- Khoản giám giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua

Số dư bên nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Số dư bên có (nếu có): Phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

c. *Sổ sách sử dụng.*

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131, 511, 333.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.

1) Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, xuất bản, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ. Kế toán ghi số tiền phải thu của khách hàng nhưng chưa thu:

- Đối với hàng hóa dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331:Thuế GTGT phải nộp.

- *Đối với hàng hóa dịch vụ, bất động sản đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo tổng giá thanh toán, kế toán hạch toán như sau:*

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Có TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- *Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, kế toán hạch toán như sau:*

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

2) Trường hợp giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại:

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

- *Đối với hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá, chiết khấu:*

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

- *Số chiết khấu thương mại phải trả cho người mua trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng :*

Nợ TK 5211 : Chiết khấu thương mại

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

3)Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

4) Nhận được tiền do khách hàng trả liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp:

Nợ TK 111,112,…

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

5) Nhận được tiền ứng trước, trả trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 111, 112,…

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

6) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng hóa (hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận trao đổi (tính theo giá hợp lý ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 152, 153, 156: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa

Nợ 611 : Mua hàng (trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

7) Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi, thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ (căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ):

Nợ TK 1592 : Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK131 : Phải thu của khách hàng

8)Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.

-Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng , thường xuyên đối chiếu, kiểm tra, đôn đốc việc thu hồi nợ.

-Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số tiền đã thanh toán và chưa thanh toán, được xác nhận bằng văn bản.

-Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo Đồng Việt Nam, cuối kỳ điều chỉnh sốdư theo thực tế.

-Đối với các khoản phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.

-Tuyệt đối không được bù trừ số dư hai bên Nợ, Có của TK 331 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.3.2.Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.

**Chứng từ sử dụng:*

-Hóa đơn mua hàng

-Biên bản kiểm nghiệm : Mẫu số 03-VT

-Phiếu nhập kho : Mẫu số 01-VT

-Biên bản đối chiếu công nợ

-Biên bản thanh lý hợp đồng : Mẫu số 09-LĐTL

-Các chứng từ liên quan khác

**Tài khoản, sổ sách sử dụng:*

-Tài khoản sử dụng: TK331 –Phải trả cho người bán.

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ,.. kế toán sử dụng tài khoản 331- phải trả người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của

doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Ngoài ra TK331 còn được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu, xây lắp chính, phụ.

Tài khoản 331 kết cấu như sau:

+Bên Nợ:

-Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ.

-Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp nhưng chưa nhận được vật tư hàng hóa dịch vụ.

-Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã theo hợp đồng.

-Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán

-Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán

-Đánh giá lại các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

+Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận , khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức

-Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

+Số dư Bên Có:

-Số tiền còn phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ

+Số dư Bên Nợ (nếu có):

-Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số tiền phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên Tài sản và bên Nguồn vốn.

**Sổ sách sử dụng:*

-Sổ chi tiết thanh toán với người bán

-Sổ tổng hợp thanh toán với người bán

-Sổ cái TK 331, 111, 112,..

1.3.3.Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

1)Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên khi mua TSCĐ:

*Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

- Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152, 153, 156: giá chưa có thuế GTGT (phương pháp KKTX)

Nợ TK611 : Giá chưa thuế GTGT (phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 : Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư hàng hoá gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 152, 153, 156 : Tổng giá thanh toán

Nợ TK 611 : Tổng giá thanh toán

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán.

2) Mua TSCĐ chưa trả tiền cho người bán đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hoá đơn của người bán, biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan, trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 211, 213: Gía chưa thuế GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK331 : Tổng giá thanh toán

3) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán, giá trị dịch vụ mua vào sẽ gồm cả thuế GTGT, hoặc không bao gồm thuế GTGT đầu vào - tuỳ theo phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp, ghi:

Nợ TK 156 : Hàng hoá (1562)

Nợ TK 241 :XDCB dở dang

Nợ TK 142 : Chi phí trả trước ngắn hạn

Nợ TK 242 : Chi phí trả trước dài hạn

Nợ các TK: 635, 811…

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)

4) Khi thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 311, 341,. ..

5) Khi ứng trước tiền cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112,. . .

6) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không có hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,. . .

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

7) Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

8) Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào đã nhập kho, phải trả lại do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 152, 153, 156,. . . (Giá trị được giảm giá)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

9) Trường hợp người bán chấp thuận giảm giá cho số vật tư, hàng hoá doanh nghiệp đã mua vì không đúng quy cách, phẩm chất và hàng hoá vẫn còn trong kho, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 152, 153, 156,. . . (Giá trị được giảm giá)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

10) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1.Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.

Tỷ giá: Còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc giá được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

Quy định về sử dụng tỷ giá:

- Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động(tỷ giá bình quân sau từng lần nhập).

-Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản kí cược, kí quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thờ điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối phương.

-Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại Bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại Bên Nợ tài khoản chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

-Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện)

-Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

- Chuyển đổi BCTT được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

-Các loại tỷ giá sử dụng trong kế toán:

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam phải căn cứ vào:

+Tỷ giá giao dịch thực tế

+Tỷ giá ghi sổ kế toán

-Trường hợp phát sinh doanh thu,chi phí,giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế như sau:

+Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mau vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.

+Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

1.4.2.Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

a) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ.

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511: tỷ giá thực tế

Có TK 3331: tỷ giá thực tế

-Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 511: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 131, 136, 138: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục về tiền tệ có gốc ngoại tệ :

- Khi lập báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 1112, 1122, 128, 131, 136, 331, 341,..

Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

+Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có các TK 1112, 1122, 128, 131, 136, 331, 341,..

c) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ:

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 211: tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: Tỷ giá ghi sổ kế toán

-Khi thanh toán:

+Nếu phát sinh lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: Nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK 111, 112,..: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

+Nếu phát sinh lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Có TK 515: Nếu lãi về tỷ giá hối đoái

+ Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục về tiền tệ có gốc ngoại tệ

Kế toán xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, kế toán kết chuyển toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại (theo số thuần sau khi bù trừ số phát sinh bên Nợ và bên Có của TK 4131) vào chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái), hoặc doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh :

- Kết chuyển lãi tỷ giá hối đoái đánh giá lại vào cuối năm tài chính vào doanh thu hoạt động tài chính ghi :

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái)

- Kết chuyển lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại vào cuối năm tài chính vào daonh thu hoạt động tài chính ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái

1.5.Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Sổ kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp đối ứng tài khoản, là phương tiện vật chất chủ yếu để người làm công tác kế toán ghi chép phản ánh, hệ thống hóa số liệu kế toán trên cơ sở các chứng từ gốc và các loại tài liệu khác để cung cấp thông tin phục vụ quản lý. Xét theo chức năng thì sổ kế toán gồm:

- Sổ nhật kí dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian.

- Sổ cái dùng để tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên sổ nhật kí vào các tài khoản tương ứng.

- Để phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp còn sử dụng sổ kế toán chi tiết và tổng hợp.

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp mỗi đơn vị có thể mở và sử dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật Ký chứng từ

1.5.1.Hình thức Nhật ký chung

***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kết toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiều khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc số Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt) khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

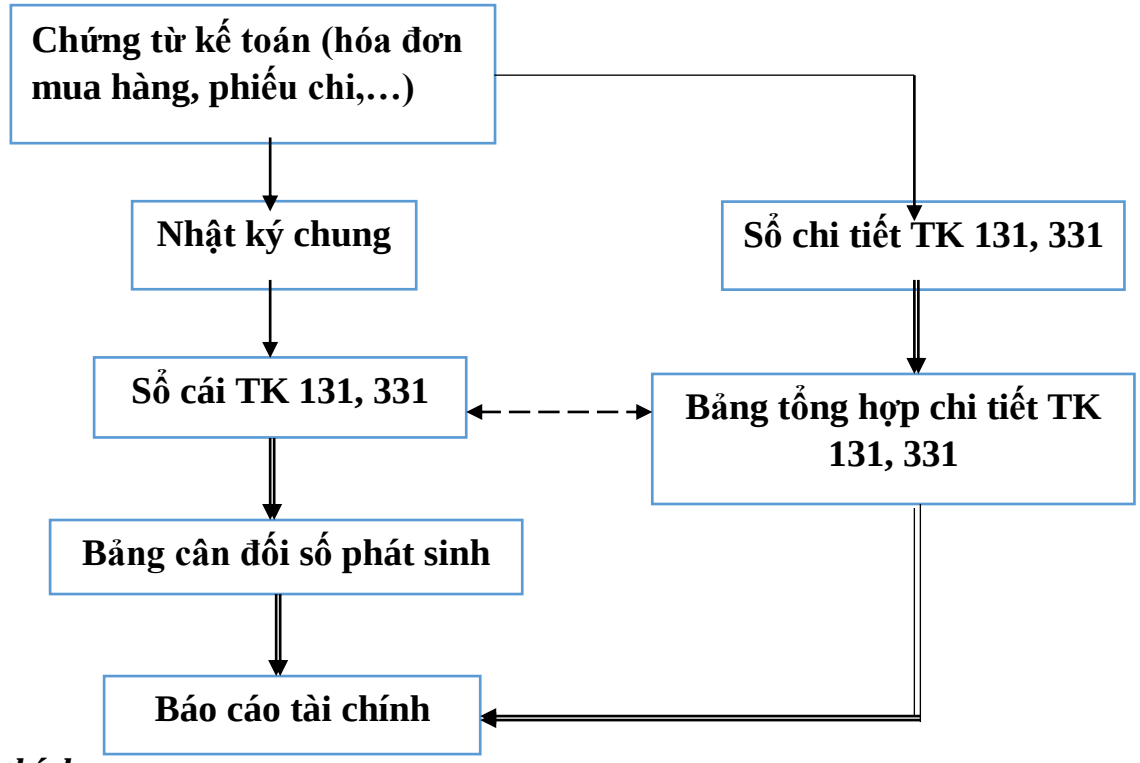

Chú thích:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.2.Hình thức Nhật ký- Sổ cái

-Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm loại sổ kế toán sau: Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

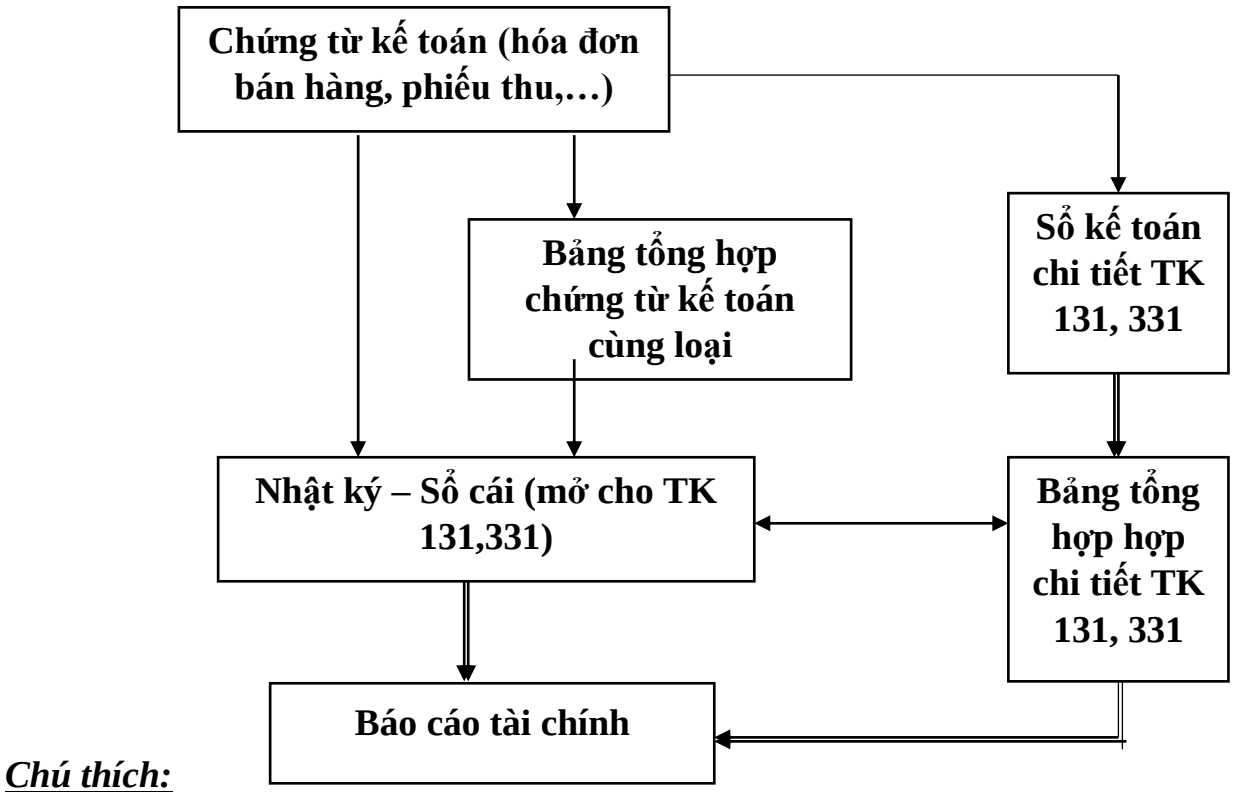

Chú thích:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

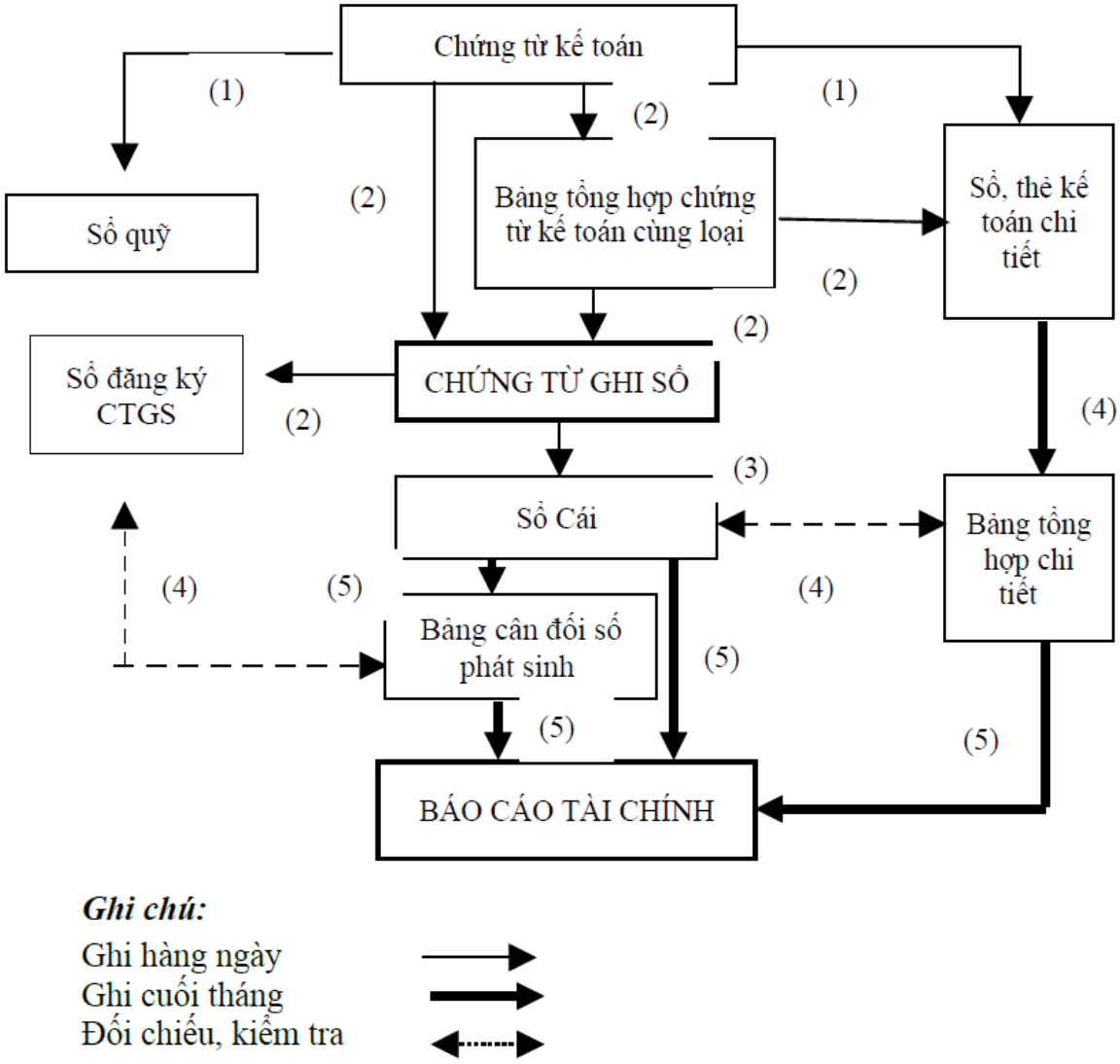

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

***Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

-Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

-Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

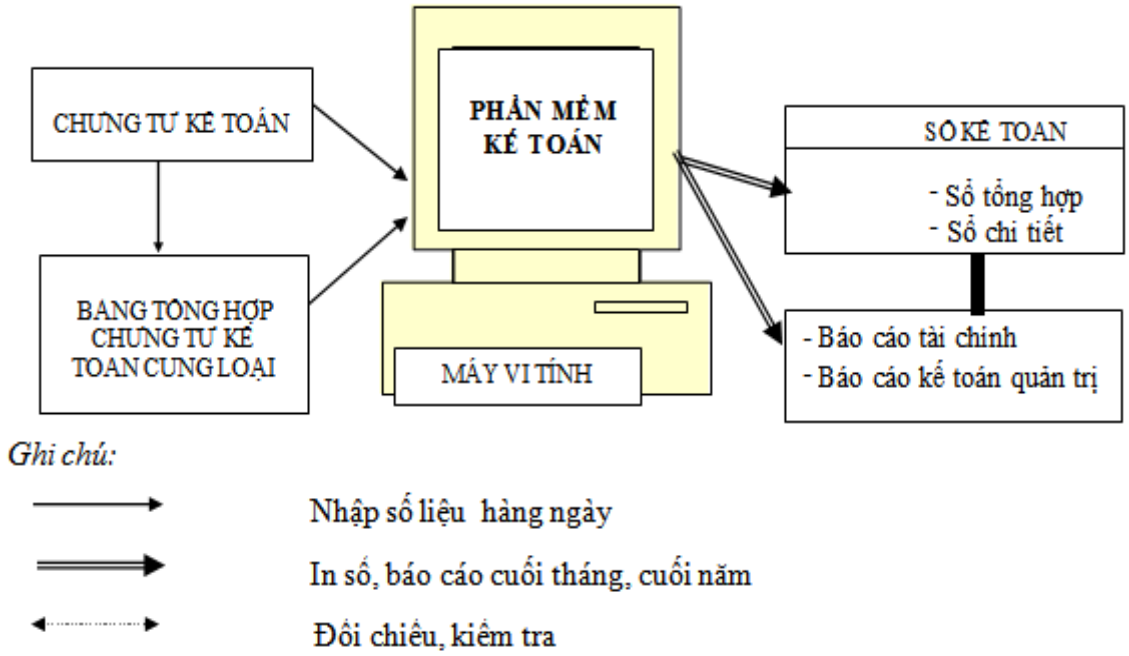

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái…) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH

2.1.Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh

Tên giao dịch : *Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.*

Trụ sở chính : *Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên, khu Phương Lưu 1- Phường Đông Hải 1- Quận Hải An - Hải Phòng*

Điện thoại : *0313769761*

Mã số thuế : *0201048869*

Qúa trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh được thành lập ngày 29 tháng 3 năm 2010 và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/2010 theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0201048869.

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh hoạt động trong lĩnh vực chế tạo các sản phẩm thiết bị inox, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Với đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lí giàu kinh nghiệm, năng động, đội ngũ kĩ sư, kĩ thuật giỏi, chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân đầy nhiệt huyết, yêu nghề, thợ hàn và thợ lành nghề khác cùng với diện tích 1500m^2 mặt bằng, hàng chục tấn máy móc thiết bị đã giúp công ty không ngừng phát triển qua các năm. Những sản phẩm của công ty rất thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Đến nay công ty cơ bản đã hoàn thành bước đầu xây dựng và phát triển kế hoạch đầu tư, các sản phẩm và đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả. Sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước xây dựng thương hiệu trên thị trường trong nước.

2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh gồm những lĩnh vực sau:

- *Sản xuất sản phẩm từ plastic.*
- *Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.*
- *Tái chế phế liệu.*

- *Phá dỡ.*
- *Chuẩn bị mặt bằng.*
- *Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.*
- *Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.*
- *Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác.*
- *Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.*
- *Bán buôn kim loại và quặng kim loại.*
- *Bán buôn vật liệu, các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.*
- *Bốc xếp hàng hóa.*
- *Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.*

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

**** Cơ cấu bộ máy quản lý:***

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty nhìn chung gọn nhẹ, đặc biệt phù hợp với các bộ phận trong doanh nghiệp; bao gồm: Giám đốc, Phòng kế toán và hành chính, Bộ phận sản xuất, Phòng kinh doanh và giao nhận cụ thể đã được thể hiện trong sơ đồ 2.1:

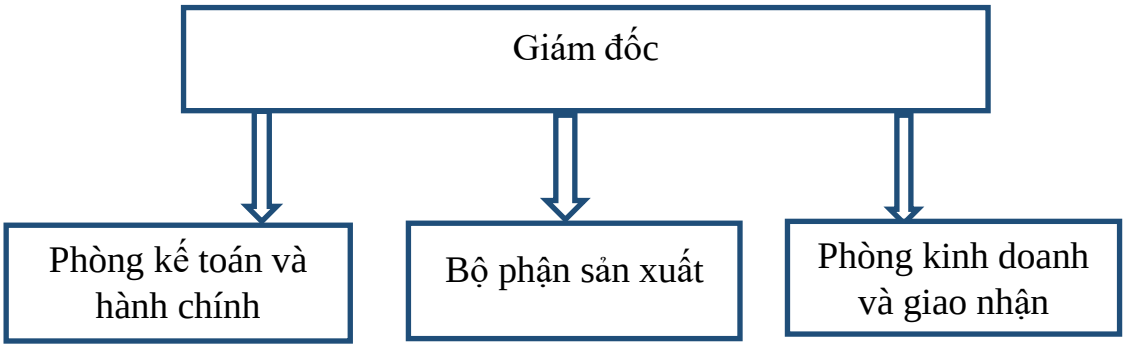

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

*** Chức năng bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh**.

- *Giám đốc* : Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra .

- *Phòng kế toán và hành chính:* quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Thực hiện chi trả lương, công tác phí, đóng BHXH cho cán bộ, công nhân viên.

- *Phòng kinh doanh và giao nhận*: giúp ban giám đốc đề ra chiến lược kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm nắm chắc toàn bộ nội dung hợp đồng và kế hoạch cung ứng vật tư, giao nhận hàng hóa .

- *Bộ phận sản xuất* : chịu trách nhiệm chế tạo, sản xuất, xử lý, lắp đặt , gia công và hoàn thành sản phẩm.

2.1.3. Công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thủy Linh.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

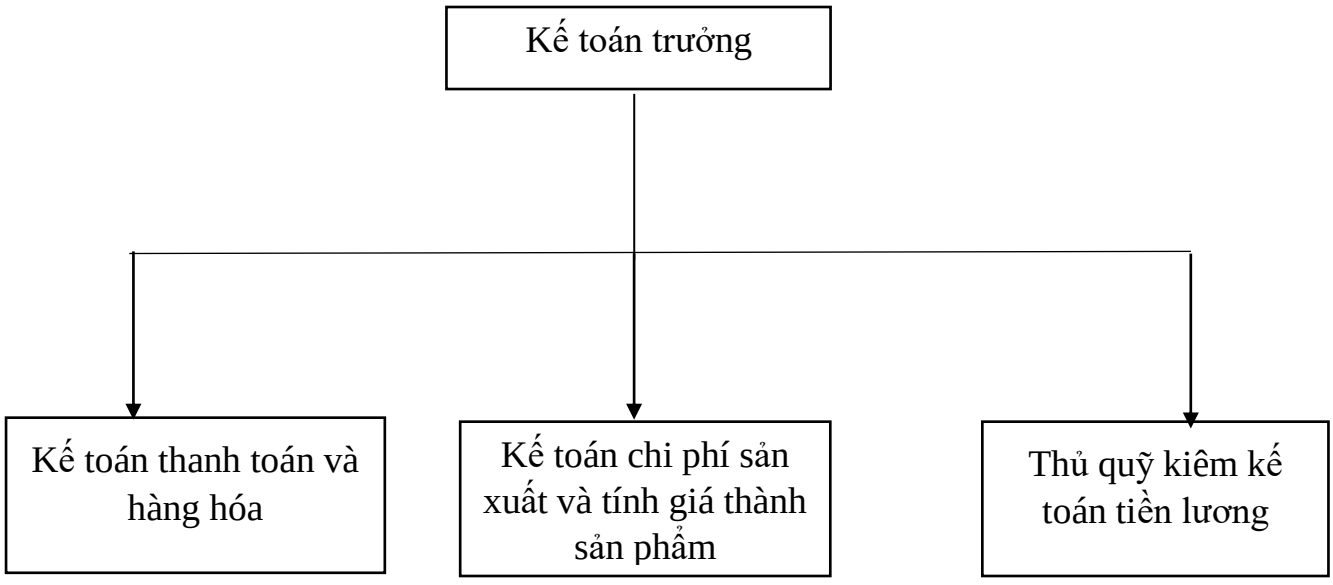

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán

**** Chức năng nhiệm vụ :***

- *Kế toán trưởng*:

+ Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán.

+ Kiểm tra toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của công ty.

+ Chịu trách nhiệm chung trước giám đốc về công tác kế toán tài chính tại công ty.

+ Ký, phê duyệt các tài liệu kế toán.

+ Phổ biến chủ trương và chỉ đạo thực hiện chủ trương về chuyên môn, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn kiểm tra, đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật.

+Lập và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kế toán.

- *Kế toán thanh toán và hàng hóa:*

+ Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán như: theo dõi công nợ phải thu, phải chi theo từng đối tượng cụ thể.

+ Kiểm tra các chứng từ thanh toán, lập phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi,..lập bảng kê, quản lý giấy tờ tạm ứng và theo dõi việc thanh toán tạm ứng.

+ Lập sổ kế toán quỹ tiền mặt đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ.

+ Lập, chuyển, nhận, quản lý các chứng từ ngân hàng.

+ Chịu trách nhiệm cập nhật số liệu và cung cấp số liệu kịp thời các thông tin liên quan giao cho kế toán trưởng.

+ Quản lý và theo dõi, lập chứng từ về tình hình nhập, xuất ,tồn hàng hóa.

- *Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương*:

+ Quản lý số tiền hiện có của công ty.

+ Lập sổ lương, bảng chấm công, bảng lương để ban giám đốc ký trước khi chi trả lương cho cán bộ, công nhân viên.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng của doanh nghiệp

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam- VND (đồng)

- Công ty áp dụng chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

- Khấu hao được tính theo phương pháp: đường thẳng

- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

2.1.3.3 Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán được áp dụng tại công ty.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật kí chung, sử dụng bảng tính Excel hỗ trợ.

- Hình thức kế toán Nhật kí chung gồm các loại sổ chủ yếu là : Nhật kí chung, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Nguyên tắc ghi sổ: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế , tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật kí chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên Sổ nhật kí chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

-Trình tự ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ sau:

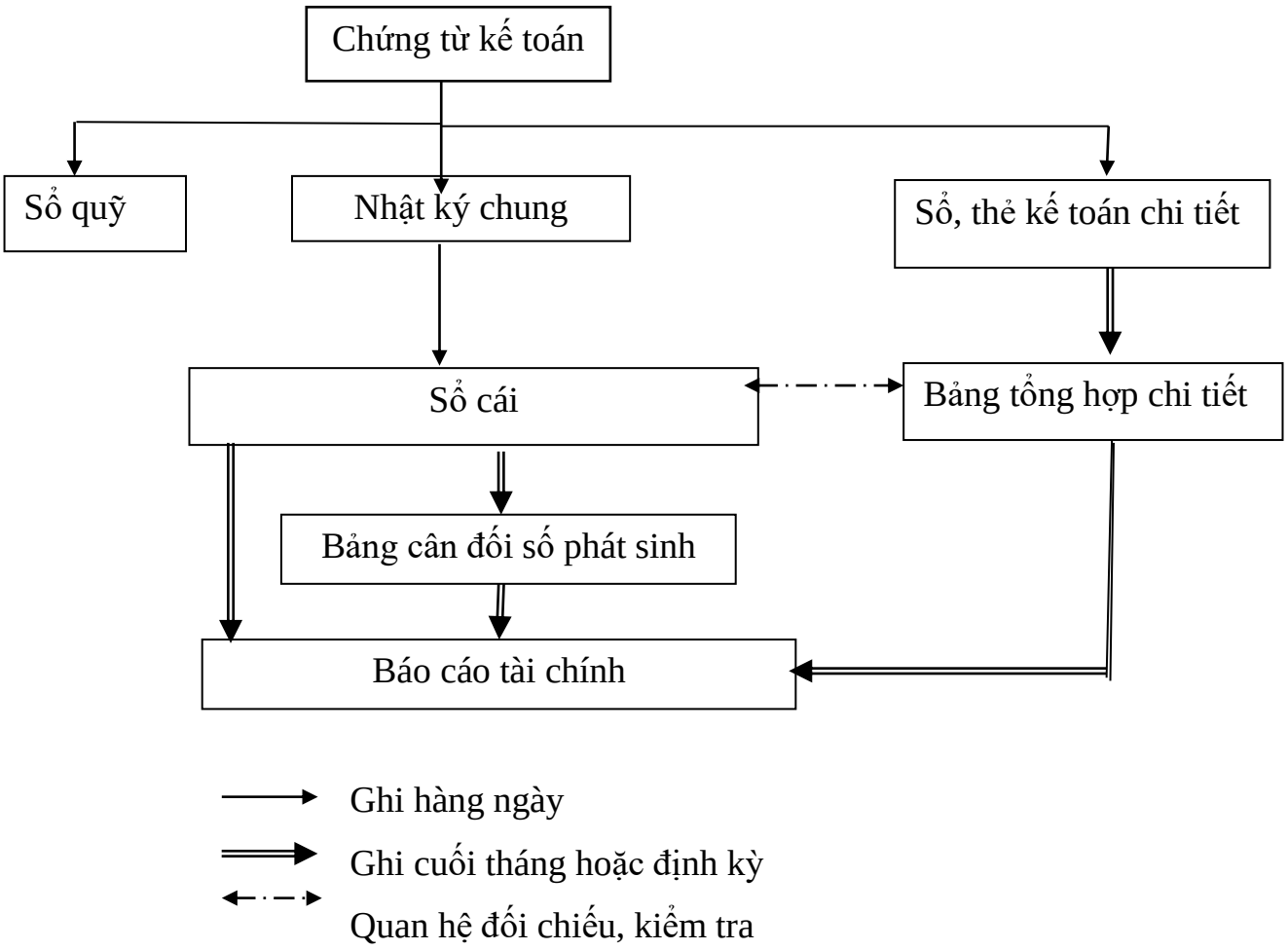

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật kí chung, đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Sau đó từ sổ Nhật kí chung, kế toán vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản lập bảng tổng hợp chi tiết. Từ sổ cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết). Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái các tài khoản kế toán lập báo cáo tài chính.

- Nguyên tắc: tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung

2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

**** Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:***

- Bảng cân đối tài khoản
- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN)
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu b03-DNN)
- Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu B09-DNN)

Ngoài ra, doanh nghiệp còn lập các báo cáo khác theo yêu cầu của Nhà nước như Báo cáo thuế GTGT, Thuế TNDN và Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Nghiệp vụ thanh toán là mối quan hệ của doanh nghiệp với các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp về các khoản phải thu, phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau nên nghiệp vụ thanh toán của Công ty khá đa dạng về cả đối tượng lẫn quy mô.

** Phương thức thanh toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh:*

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú, ở Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh sử dụng hai phương pháp: Thanh toán ngay và thanh toán chậm trả.

+ Phương thức thanh toán ngay là: khi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho khách hàng sẽ thu được tiền ngay, có thể là tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng,..

+ Phương thức thanh toán chậm trả là : khi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho khách hàng chưa thu được tiền ngay, kế toán phải theo dõi công nợ phải

thu của khách hàng bằng các sổ chi tiết tài khoản 131, phải trả người bán bằng sổ chi tiết tài khoản 331.

Đối với người mua: Phương thức thanh toán ngay được áp dụng với khách mua hàng với số lượng nhỏ, lẻ và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những khách hàng, doanh nghiệp là khách hàng thường xuyên của công ty và mua hàng với số lượng lớn theo phương thức gối hàng.

Đối với người bán: Phương thức thanh toán ngay (trực tiếp) áp dụng cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những nhà cung cấp lâu năm và theo phương thức gối hàng theo thỏa thuận của hai bên.

** Hình thức thanh toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh:*

Hình thức thanh toán được áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh là : thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường được doanh nghiệp áp dụng cho những đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng.

- Hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng thường được doanh nghiệp áp dụng bắt buộc đối với những đơn hàng có giá trị lớn hơn từ 20 triệu đồng trở lên. Trong trường hợp đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng, doanh nghiệp thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, trong trường hợp có sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán.

2.2.2.Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh

**** Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:***

- *Chứng từ sử dụng*

+ Hóa đơn GTGT: Mẫu số 01GTKT3/001

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa

+ Phiếu thu : Mẫu số 01-TT

+ Giấy báo có

+ Giấy đề nghị thanh toán : Mẫu số 05-TT

+ Các chứng từ khác có liên quan…

-Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 131- Phải thu của khách hàng : được Công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng

- Sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký chung

+Sổ chi tiết thanh toán với người mua

+ Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

+Sổ cái TK131 và các tài khoản có liên quan.

**Quy trình hạch toán:*

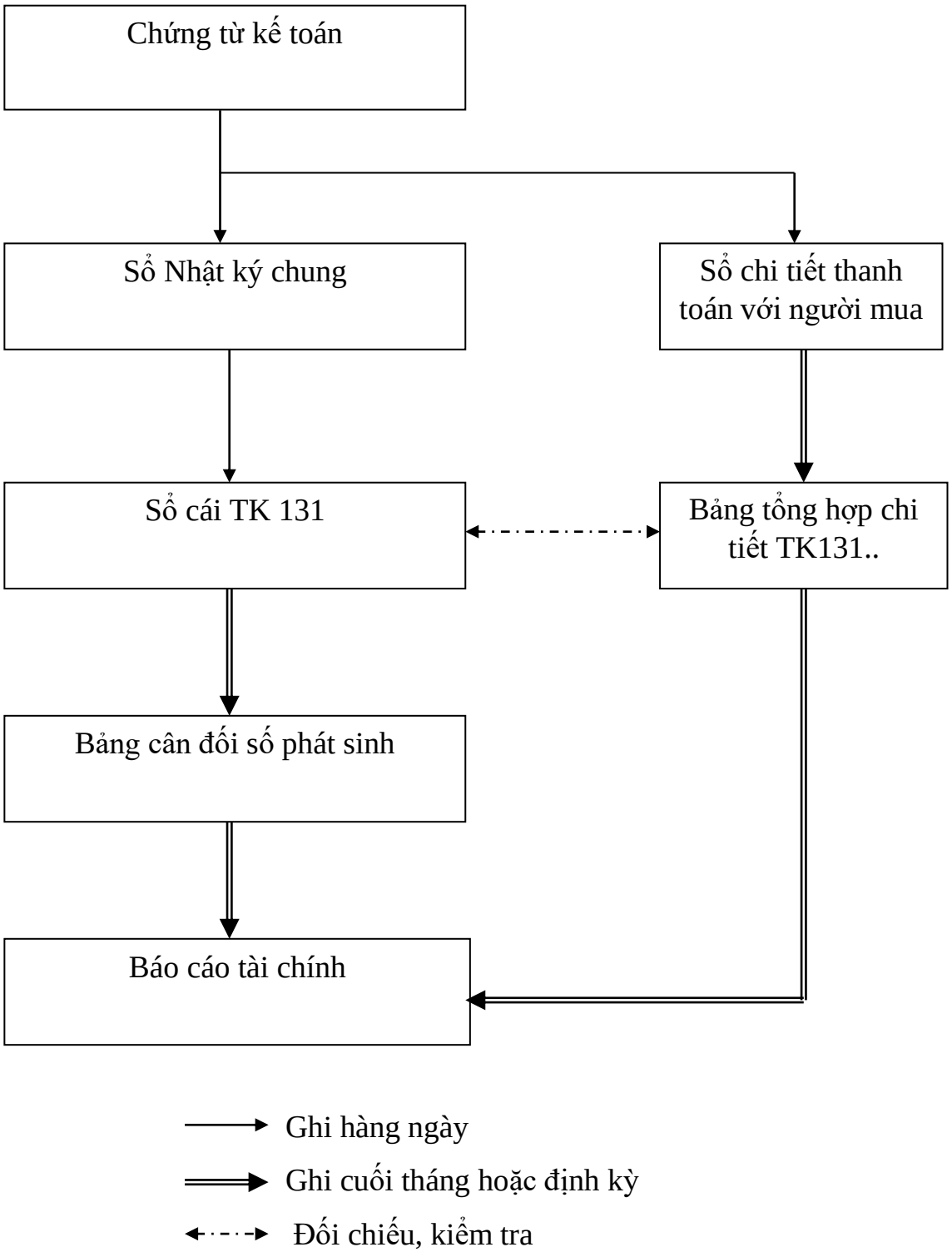

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật kí chung, sau đó từ sổ Nhật kí chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản

131, 511, 333,.. Đồng thời kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào sổ chi tiết TK131 theo dõi cho từng khách hàng.

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu của khách hàng. Kế toán thực hiện thao tác cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2016: theo Hóa đơn GTGT số 0000526 Công ty xuất bán thép hộp chữ nhật mạ kẽm (10x20) 0.8 Cho Công ty TNHH Hoa Mai với thuế GTGT 10% chưa thu tiền

Căn cứ vào hóa đơn 0000526 và các chứng từ có liên quan , kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 23.512.500

Có TK 511 : 21.375.000

Có TK333: 2.137.500

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.8), từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), sổ cái TK511, 333.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu 2.1. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 3 tháng12 năm 2016	**Mẫusố: 01GTKT3/001** Ký hiệu: AA/16P Số: **0000526**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HOA MAI
Mã số thuế: 0100284965
Địa chỉ: Số 55 Nguyễn Trường Tộ , Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
Điện thoại: 7163888 *Fax: 7163899
Số tài khoản: 102010000002299 tại Ngân hàng Công Thương Ba Đình

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Thủy
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Mã số: 0201048869
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1, phường Đông Hải, Quận Hải An, T.P Hải Phòng.
Hình thức thanh toán: CK/TM. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Thép hộp CN mạ kẽm(10x20)0.8	Kg	500	42.750	21.375.000
	Cộng tiền hàng				21.375.000
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:				2.137.500
	Tổng cộng tiền thanh toán				23.512.500

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng.

Người mua hàng	***Người bán hàng***	***Thủ trưởng đơn vị***
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2016 Công ty TNHH Hoa Mai ứng trước tiền hàng cho doanh nghiệp, số tiền là : 80.000.000đ bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ và chứng từ có liên quan ghi chép vào sổ sách theo định khoản như sau:

Nợ TK112: 80.000.000

Có TK131: 80.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131- phải thu của khách hàng mở cho công ty TNHH Hoa Mai (biểu số 2.9), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật kí chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131(biểu số 2.7), TK 112.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản 131- phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Hoa Mai để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10)

Biểu số 2.2: Giấy báo có ngân hàng

		Số: 564
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	**GIẤY BÁO CÓ**	Mã GDV: HUNGDTQT
	Ngày: 15/12/2016	Mã KH: 594256
Chi nhánh: EXIMBANK CN Hải Phòng		Số GD: 1528113

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh

Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 102010002299

Số tiền bằng số: 80.000.000

Số tiền bằng chữ: *Tám mươi triệu đồng chẵn./*

Nội dung: ##Công ty TNHH Hoa Mai ứng trước tiền hàng ##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Ví dụ 3: Ngày 04/12/2016 Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân thanh toán tiền khoản nợ tiền hàng theo HĐ 0000429 số tiền là 28.050.000 bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 28.050.000

Có TK 131: 28.050.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân (biểu số 2.9), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131(biểu số 2.7),TK 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Cơ khí Hải Ngân để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.3: Giấy báo có ngân hàng

Số: 549

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Chi nhánh: EXIMBANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 04/12/2016

Mã GDV: HUNGDTQT
Mã KH: 594256
Số GD: 1254133

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh
Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi CÓ: 102010002299
Số tiền bằng số: 28.050.000
Số tiền bằng chữ: *Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng./*
Nội dung: ##Công ty TNHH Cơ khí Hải Ngân thanh toán tiền nợ##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Ví dụ 4: Ngày 5/12/2017 công ty bán hàng cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân theo hóa đơn 0000532 với tổng trị giá là: 48.950.000 đồng (bao gồm cả thuế VAT 10%) chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000532 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản như sau:

Nợ TK 131: 48.950.000

Có TK 511: 44.500.000

Có TK 333: 4.450.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.9) – Phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 511, TK 333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10)

Biểu 2.4. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 05 tháng 12 năm 2016	**Mẫusố: 01GTKT3/001** Ký hiệu: AA/16P Số: **0000532**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Mã số thuế: 0201048869
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1, phường Đông Hải, Quận Hải An, T.P Hải Phòng.
Điện thoại: 031.3769761
Số tài khoản: 102010000995988

Họ và tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty TNHH CƠ KHÍ HẢI NGÂN
Mã số thuế: 0201058835
Địa chỉ: Thôn 12, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Hình thức thanh toán: CK/TM. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thép hình V đen (30*30) 2.5	Cây 6m	200	95.000	19.000.000
2	Thép hộp chữ nhật mạ kẽm (10x20) 0.8	Cây 6m	600	42.500	25.500.000
Cộng tiền hàng					44.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			4.450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					48.950.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	***Người bán hàng***	***Thủ trưởng đơn vị***
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Ví dụ 5: Ngày 28 /12/2016 Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân thanh toán công nợ cho công ty bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 195.500.000

Có TK 131: 195.500.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân (biểu số 2.9), sổ theo dõi Tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.7), TK 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.10).

Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng

Số: 581

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Chi nhánh: EXIMBANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 28/12/2016

Mã GDV: HUNGDTQT
Mã KH: 594256
Số GD: 1782156

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh
Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi CÓ: 102010002299
Số tiền bằng số: 195.500.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng./
Nội dung: ##Công ty TNHH Cơ khí Hải Ngân thanh toán tiền nợ##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

Đơn vị tính:đồng.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
03/12	HĐ0000526	03/12	Bán chịu thép hộp CN mạ kẽm (10x20)0.8 cho CT Hoa Mai	131	23.512.500	
				511		21.375.000
				333		2.137.500
04/12	BC549	04/12	CT Hải Ngân thanh toán tiền hàng	112	28.050.000	
				131		28.050.000
05/12	HĐ0000532	05/12	Bán chịu hàng cho CT Hải Ngân theo HĐ 532	131	48.950.000	
				511		44.500.000
				333		4.450.000
…	…	…	…	…	…	…
15/12	BC564	15/12	CT Hoa Mai tạm ứng tiền hàng	112	80.000.000	
				131		80.000.000
…	…	…	…	…	…	…
28/12	BC581	28/12	CT hải Ngân thanh toán tiền hàng	112	195.500.000	
				131		195.500.000
…	…	…	…	…	…	….
Tổng cộng					**111.564.172.387**	**111.564.172.387**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích sổ cái tài khoản 131

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

131- Phải thu của khách hàng
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**1.253.625.000**	
			Số phát sinh			
03/12	HĐ0000526	03/12	Bán chịu thép hộp CN mạ kẽm (10x20)0.8 cho CT Hoa Mai	511	21.375.000	
				333	2.137.500	
04/12	BC549	04/12	CT Hải Ngân thanh toán tiền hàng	112		28.050.000
05/12	HĐ0000532	05/12	Bán chịu hàng cho CT Hải Ngân theo HĐ 532	511	44.500.000	
				333	4.450.000	
…	…	…	…	…	…	….
15/12	BC564	15/12	CT Hoa Mai tạm ứng tiền hàng	112		80.000.000
…	…	…	…	…	…	….
28/12	BC581	28/12	CT Hải Ngân thanh toán tiền hàng	112		195.500.000
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		**15.365.240.500**	**15.231.550.398**
			Số tồn cuối kỳ		**1.387.315.102**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu của khách hàng (mở cho công ty Hoa Mai)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA
Tài khoản 131- Phải thu khách hàng
Đối tượng: Công ty TNHH Hoa Mai
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ				**65.860.000**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
03/12	HĐ0000526	03/12	Doanh thu bán thép hộp CN mạ kẽm (10x20)0.8	511	21.375.000		135.421.260	
				333	2.137.500		137.558.760	
10/12	HĐ610	10/12	Doanh thu bán hàng theo HĐ610	511	68.250.000		205.808.760	
				333	6.825.000		212.633.760	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
15/12	BC564	15/12	Ứng trước tiền hàng	112		80.000.000		80.000.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		**3.315.279.312**	**3.013.462.156**		
			Số tồn cuối kỳ				**367.677.156**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu của khách hàng(Mở cho công ty Hải Ngân)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA
Tài khoản 131- Phải thu khách hàng
Đối tượng: Công ty TNHH cơ khí Hải Ngân
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ				**121.400.000**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
26/11	GBC526	26/11	Ứng trước tiền hàng	112		50.000.000		50.000.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
05/12	HĐ532	05/12	Doanh thu bán hàng theo HĐ 532	511	44.500.000		216.321.000	
				333	4.450.000		220.071.000	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
12/12	GBC559	12/12	Tạm ứng tiền hàng	112		30.000.000		30.000.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
28/12	GBC581	28/12	Thanh toán tiền hàng	112		195.500.000	211.421.000	
…	…	…	…	…	…	…		
			Cộng phát sinh		**2.657.520.140**	**2.807.520.140**		
			Số tồn cuối kỳ					**28.600.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

Biểu số 2.10:Bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thủy Linh

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Tài khoản 131- Phải thu của khách hàng

Năm 2016 Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Hoa Mai	68.860.000		3.315.279.312	3.013.462.156	367.677.156	
2	Công ty TNHH Cơ khí Hải Ngân	121.400.000		2.657.520.140	2.807.520.140		28.600.000
…	…	…	…	…	…	…	…
	Cộng	**1.483.625.000**	**230.000.000**	**15.365.240.500**	**15.231.550.398**	**1.787.315.102**	**400.000.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

** Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:*

- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán bao gồm:

+ Hợp đồng mua bán

+ Hóa đơn GTGT: Mẫu số 01GTKT3/001

+ Phiếu chi : Mẫu số 02-TT

+ Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi

+ Giấy đề nghị thanh toán: Mẫu số 05-TT

+ Các chứng từ kiên quan khác

-Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 331: Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp

+ Tài khoản 331: Phải trả người bán

+ Tài khoản 156: Hàng hóa

+ Tài khoản 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

-Sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký chung

+ Sổ chi tiết phải trả người bán

+ Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán

+ Sổ cái tài khoản 331 và các tài khoản có liên quan

**Quy trình hạch toán:*

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

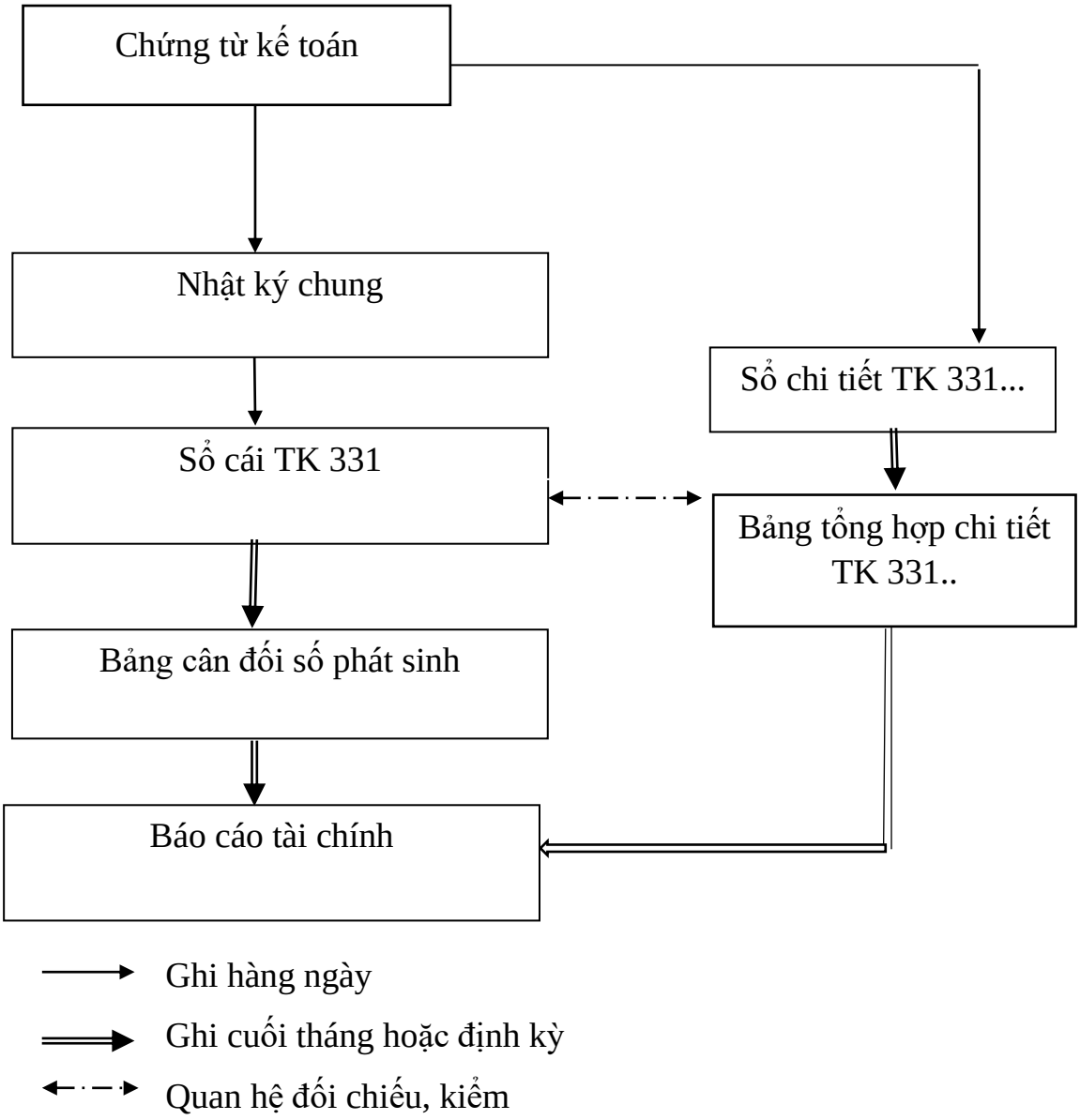

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết 331-phải trả cho người bán. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản 331, 156,133,..

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên sổ, lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 331 để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2016 Công ty mua thép hộp chữ nhật mạ kẽm (10x20)0.8 của Công ty CP Thép Hòa Phát theo Hóa đơn GTGT số 0000096 với trị giá hàng mua chưa có thuế VAT 10% là 26.220.000 chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000096 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi như sau:

Nợ TK 156: 26.220.000

Nợ TK 133: 2.622.000

Có TK331: 28.842.000

Từ bút toán trên ,kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.19), Sổ chi tiết 156. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK331 (biểu số 2.23),TK156, TK133.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.21)

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000096

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 1 tháng 12 năm 2016	**Mẫu số: 01GTKT3/001** Ký hiệu: AA/16P Số: **0000096**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT
Mã số thuế: 0200898359
Địa chỉ: Số 21 đường 351, tổ 5, khu 6, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng,Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: 031.3534.858 *Fax: 031.3534.356
Số tài khoản: 2102201002801 tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT – CN An Dương HP

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Thủy
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Mã số: 0201048869
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1, phường Đông Hải, Quận Hải An, T.P Hải Phòng.
Hình thức thanh toán: CK/TM. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Thép hộp CN mạ kẽm (10x20)0.8	Cây	600	43.700	26.220.000
Cộng tiền hàng					26.220.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			2.622.000
Tổng cộng tiền thanh toán					28.842.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng.

Người mua hàng	***Người bán hàng***	***Thủ trưởng đơn vị***
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Ví dụ 2:Ngày 19/12/2016, Công ty TNHH Thương mại Sản Xuất Thủy Linh thanh toán 120.000.000 cho Công ty CP Thép Hòa Phát bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào chứng từ liên quan, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331:120.000.000

Có TK 112:120.000.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vảo sổ chi tiết phải trả người bán TK 331(biểu số 2.19), Sổ theo dõi TGNH. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK331(biểu số 2.23), 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.21).

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ ngân hàng

Số: 570

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Chi nhánh: EXIMBANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ
Ngày: 19/12/2016

Mã GDV: PHUCDTQT
Mã KH: 479245
Số GD: 105631

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh
Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi NỢ: 102010002299
Số tiền bằng số: 120.000.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng./
Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty CP Thép Hòa Phát##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Biểu số 2.16: Ủy nhiệm chi

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

ỦY NHIỆM CHI *Số: 421*
PAYMENT ORDER *Ngày:19/12/2016*

Số tiền: **120.000.000**

Bằng chữ: *Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn.*
Nội dung: Ứng trước tiền cho Công ty CP Thép Hòa Phát.

Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài

ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Applicant:
Số CMND:
Ngày cấp: **-Nơi cấp:**
Số tài khoản: 102010002299
Tại NH: EXIMBANK CN HẢI PHÒNG

ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CP THÉP HÒA PHÁT
Beneficiary:
Số CMND:
Ngày cấp:
Số tài khoản: 2410067271520
Tại NH: EXIMBANK NGÔ QUYỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG GỬI *Giao dịch viên*	NGÂN HÀNG NHẬN *Giao dịch viên*

Ví dụ 3: Ngày 06/12 Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty Thép Việt-Úc, số tiền 50.000.000 bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản như sau:

Nợ TK 331:50.000.000

Có TK 112:50.000.000

Từ bút toán trên ,kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20), Sổ theo dõi TGNH. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK331 (biểu số 2.23), 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.21).

Biểu số 2.12: Giấy báo nợ ngân hàng

Số: 553

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Chi nhánh: EXIMBANK CN Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ
Ngày: 06/12/2016

Mã GDV:PHUCDTQT
Mã KH: 479245
Số GD: 101248

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh
Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi NỢ: 102010002299
Số tiền bằng số: 50.000.000
Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn./
Nội dung: ## Ứng trước tiền hàng cho Công ty Thép Việt-Úc##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Biểu số 2.13: Ủy nhiệm chi

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Số: 381
Ngày:06/12/2016

Số tiền: **50.000.000**

Bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng chẵn.*
Nội dung: Ứng trước tiền cho Công ty CP Thép Việt-Úc.

Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài

ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Applicant:
Số CMND:
Ngày cấp: **-Nơi cấp:**
Số tài khoản: 102010002299
Tại NH: EXIMBANK CN HẢI PHÒNG

ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CP THÉP VIỆT-ÚC
Beneficiary:
Số CMND:
Ngày cấp:
Số tài khoản: 1430067571521
Tại NH: EXIMBANK TRẦN PHÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG GỬI *Giao dịch viên*	NGÂN HÀNG NHẬN *Giao dịch viên*

Ví dụ 4: Ngày 22/12, Công ty mua chịu Ống Thép A53 của Công ty Thép Việt – Úc theo hóa đơn GTGT số 0000215, giá chưa có thuế VAT 10% là

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0000215 và chứng từ kế toán có liên quan, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK156: 28.800.000

Nợ TK133:2.880.000

Có TK331:31.680.000

Từ bút toán trên ,kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331(biểu số 2.20). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung , kế toán ghi vào sổ cái TK156, 133, và TK331 (biểu số 2.23).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21).

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT số 0000215

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 22 tháng12 năm 2016	**Mẫu số: 01GTKT3/001** Ký hiệu: AA/16P Số: **0000215**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY THÉP VIỆT-ÚC
Mã số thuế: 0200898359
Địa chỉ: Số 21 đường 351, tổ 5, khu 6, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng,Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: 031.3534.858 *Fax: 031.3534.356
Số tài khoản: 7400852014622 tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT – CN An Dương HP

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Thủy
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Mã số: 0201048869
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1, phường Đông Hải, Quận Hải An, T.P Hải Phòng.
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Thép A53	Kg	600	48.000	28.800.000
Cộng tiền hàng					28.800.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			2.880.000
Tổng cộng tiền thanh toán					31.680.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng.

Người mua hàng	***Người bán hàng***	***Thủ trưởng đơn vị***
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Ví dụ 5:Ngày 29/12, Công ty thanh toán tiền hàng 75.630.000 đồng cho Công ty CP Thép Hòa Phát bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK331:75.630.000

Có TK112:75.630.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.20), Sổ theo dõi TGNH. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK331(biểu số 2.23), 112.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (biểu số 2.21).

Biểu số 2.17: Giấy báo nợ ngân hàng

Số: 583

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Chi nhánh: EXIMBANK CN Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ
Ngày: 29/12/2016

Mã GDV: PHUCDTQT
Mã KH: 479245
Số GD: 118216

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh
Mã số thuế: 0201048869

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi NỢ: 102010002299
Số tiền bằng số: 75.630.000
Số tiền bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng./
Nội dung: ##Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Thép Hòa Phát##

Giao dịch viên Kiểm soát

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi

EXIMBANK
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Số: 418
Ngày:29/12/2016

Số tiền: **75.630.000**

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng.*
Nội dung: Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Thép Hòa Phát.

Phí NH: ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài

ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH
Applicant:
Số CMND:
Ngày cấp: **-Nơi cấp:**
Số tài khoản: 102010002299
Tại NH: EXIMBANK CN HẢI PHÒNG

ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CP THÉP HÒA PHÁT
Beneficiary:
Số CMND:
Ngày cấp:
Số tài khoản: 1130027581525
Tại NH: EXIMBANK NGÔ QUYỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG	**CHỦ TÀI KHOẢN**	**NGÂN HÀNG GỬI**	**NGÂN HÀNG NHẬN**
		Giao dịch viên	*Giao dịch viên*

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho Công ty CP Thép Hòa Phát)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331- Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty CP Thép Hòa Phát
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ					**145.210.000**
			Số phát sinh					
…	…	…	…	…	…	…		
1/12	HĐ0000096	1/12	Mua hàng của công ty theo HĐ0000096	156		26.220.000		321.215.000
				133		2.622..000		323.837.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
19/12	BN570	19/12	Thanh toán tiền hàng cho CT Thép Hòa Phát	112	120.000.000			147.260.000
29/12	BN583	29/12	Thanh toán tiền hàng cho CT Thép Hòa Phát	112	75.630.000			65.270.000
…	…	…	…	…	…	…		
			Cộng phát sinh		**3.217.521.000**	**2.941.260.000**		
			Số tồn cuối kỳ				**131.051.000**	

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho Công ty Thép Việt-Úc)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331- Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty Thép Việt -Úc
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ					**187.200.000**
			Số phát sinh					
…	…	…	…	…	…	…		
6/12	BN553	6/12	Ứng trước tiền hàng cho CT Thép Việt-Úc	112	50.000.000		50.000.000	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
22/12	HĐ0000215	22/12	Mua chịu ống thép của CT Thép Việt-Úc	156		28.800.000		415.700.250
				133		2.880.000		418.580.250
…	…	…	…	…	…	…		
			Cộng phát sinh		**1.421.720.000**	**1.615.142.000**		
			Số tồn cuối kỳ					**380.622.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người bán.

Biểu số 2.10:Bảng tổng hợp thanh toán với người bán.

Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thủy Linh

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331- Phải trả người bán

Năm 2016 Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP Thép Hòa Phát		145.210.000	3.217.521.000	2.941.260.000	131.051.000	
2	Công ty Thép Việt-Úc		187.200.000	1.421.720.000	1.615.142.000		380.622.000
…	…	…	…	…	…	…	…
	Cộng	**620.000.000**	**1.361.421.000**	**13.741.160.700**	**14.215.340.600**	**550.000.000**	1.765.600.900

Người lập **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.22: Trích sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

Đơn vị tính:đồng.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
1/12	HĐ0000096	1/12	Mua hàng chưa trả tiền	156	26.220.000	
				133	2.622.000	
				331		228.842.000
…	…	…	…	…	…	…
6/12	GBN553	6/12	Ứng trước tiền hàng cho Công ty Thép Việt Úc	331	50.000.000	
				112		50.000.000
…	…	…	…	…	…	…
19/12	GBN570	19/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thép Hòa Phát	331	120.000.000	
				112		120.000.000
…	…	…	…	…	…	…
22/12	HĐ0000215	22/12	Mua chịu ống thép của CT Thép Việt Nhật	611	28.800.000	
				133	2.880.000	
				331		31.680.000
…	…	…	…	…	…	…
29/12	GBN583	29/12	Thanh toán tiền hàng cho CT Thép Hòa Phát	331	75.630.000	
				112		75.630.000
…	…	…	…	…	…	….
Tổng cộng					**111.564.172.387**	**111.564.172.387**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái tài khoản 331

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủy Linh
Địa chỉ: Số 4/10 Bùi Thị Từ Nhiên – Phương Lưu 1

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK331-Phải trả người bán
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			**741.421.000**
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
1/12	HĐ 96	1/12	Mua hàng chưa trả tiền	156		22.500.000
				133		2.250.000
…	…	…	…	…	…	…
6/12	GBN 553	6/12	Ứng trước tiền hàng cho Công ty Thép Việt Úc	112	50.000.000	
…	…	…	…	…	…	…
19/12	GBN 570	19/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Thép Hòa Phát	112	120.000.000	
…	…	…	…	…	…	…
22/12	HĐ 215	22/12	Mua chịu ống thép của CT Thép Việt Nhật	156		28.800.000
				133		2.880.000
…	…	…	…	…	…	…
29/12	GBN 583	29/12	Thanh toán tiền hàng cho CT Thép Hòa Phát	112	75.630.000	
			Cộng phát sinh		**13.741.160.700**	**14.215.340.600**
			Số tồn cuối kỳ			**1.215.600.900**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH.

3.1.Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh là một doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cơ khí, hoạt động buôn bán thương mại. Hiện nay, doanh nghiệp đã và đang có những bước phát triển tốt hơn về thương mại, mở rộng hơn về quy mô và nhà cung cấp cùng với khách hàng. Do đó, công tác kế toán về công nợ với các nhà cung cấp và khách hàng đang được dần hoàn thiện hơn.

Về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh đều có những ưu điểm và nhược điểm, trong đó kế toán cần tìm cách phát huy những mặt mạnh và mặt yếu ,để từ đó tìm ra biện pháp khắc phục những mặt yếu để công tác quản lý tài chính đạt hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, em đưa ra một số nhận xét sau:

3.1.1.Ưu điểm.

**** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:***

- Bộ máy tổ chức khá gọn nhẹ nên rất phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình

- Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên làm việc khá tốt, năng động, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao và cán bộ luôn quan tâm đến các công nhân viên .

****Bộ máy kế toán:***

- Ở công ty, bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, bố trí rất hợp lý và chặt chẽ và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

- Đội ngũ nhân viên kế toán dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, có trình độ chuyên môn khá tốt, và mang những chức năng nhiệm vụ riêng, đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm, khả năng phân tích và giải quyết công việc rất tốt. Các nhân viên kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu, nhằm đảm

bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động, đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của công ty.

Hình thức kế toán:

-Công ty áp dụng theo hình thức sổ Nhật ký chung khá đơn giản, phổ biến và đặc biệt phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp các thông tin kế toán được cập nhật đầy đủ và thường xuyên.

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp: kê khai thường xuyên, giúp cho quá trình quản lý và theo dõi nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng hơn.

**** Hệ thống tài khoản:***

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh sử dụng hệ thống tài khoản theo đúng quy định của Bộ tài chính, ngoài ra còn xây dựng hệ thống tài khoản cấp 2 theo đặc điểm riêng của công ty một cách đầy đủ và chi tiết nhất, phù hợp với việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

****Hệ thống chứng từ,báo cáo tài chính:***

-Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu do Bộ tài chính ban hành

-Các báo cáo tài chính được lập đúng theo các mẫu ,biểu quy định, đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

****Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:***

- Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung khá tốt.Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi từng người mua, người bán. Qua đó giúp cho ban quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn.

- Tạo được uy tín đối với khách hàng và nhà cung cấp, giúp công ty ngày một phát triển hơn.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên thì Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh còn có những mặt hạn chế như sau:

** Về vấn đề trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*: Công ty chưa tiến hành trích lập phải thu khó đòi khi có nghiệp vụ thực tế phát sinh. Nếu những khoản nợ không thể thu hồi lại được sẽ anh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp. Số liệu minh họa tình hình nợ phải thu được thể hiện thông qua bảng 3.1.

Bảng 3.1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày 31/12/2016

Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2016	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1. Công ty TNHH Minh Hương	68.125.000			68.125.000	1 năm 7 tháng 9 ngày
2. Công ty CP An Liên	40.000.000			40.000.000	6 tháng 12 ngày
3. Công ty CP Hùng Phát	185.956.000	185.956.000			
4. Công ty TNHH Hương Long	90.480.000	90.480.000			
...	...	...	...	...	...
Tổng cộng	**1.787.315.102**	**950.091.877**	**545.866.415**	**291.356.810**	

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng *(Ký, họ tên)*

**Về việc thu hồi các khoản nợ*: thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào xử lý triệt để các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo hướng có lợi cho công ty, nợ khó đòi rất dễ trở thành nợ không có khả năng thu hồi .

**Về việc công tác ghi chép sổ sách kế toán*: cùng với sự phát triển của công nghệ, việc sử dụng phần mềm kế toán đang được ưa chuộng vì tính chính xác cao, nhanh hơn nhưng công ty vẫn sử dụng bảng tính Excel nên việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ sai sót và làm giảm hiệu quả công việc.

3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

- Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nền kinh tế nước nhà đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là những thách thức, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực để tồn tại và chứng tỏ vị trí của mình.

- Để tồn tại và bắt kịp với xu hướng trên, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh cần phải đổi mới để tồn tại và hoàn thiện hơn, ban quản lý và ban kế toán phải đưa ra những ý kiến mới mẻ, phát huy được hết những điểm mạnh và khắc phục điểm yếu, để giúp doanh nghiệp phát triển một cách bền vững nhất.

- Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trong hoạt động của doanh nghiệp. Nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Công ty cần không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3.Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh

- Hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên cơ sở tuân thủ chính sách kinh tế nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước banh hành, phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin mới thống nhất, thuận lợi cho việc kiểm tra của Nhà nước.. Ngoài ra, các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này giúp cho việc thu thập thông tin kế toán tốt hơn và khoa học hơn cho quá trình phân tích ,đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng tồn lại không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông

tin sát thực với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng, vì vậy kế toán phải đưa ra những thông tin mang tính chính xác cao , không được phép sai sót. Những thông tin sai sót sẽ không có giá trị trong việc ra quyết định.

-Việc sử dụng phần mềm kế toán hỗ trợ là vô cùng cần thiết cho doanh nghiệp, sự tiện ích của phầm mềm hỗ trợ mang lại là nâng cao nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giảm bớt chi phí, nhân lực, thời gian và đặc biệt mang lại kết quả tốt hơn và nhanh hơn.

3.4.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, dưới sự tìm hiểu và chỉ bảo của các anh chị trong công ty cũng như giáo viên hướng dẫn, em thấy tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán còn một số điểm hạn chế. Em xin đưa ra một số ý kiến về việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty như sau:

Thứ nhất: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Theo em được thấy, có một số khoản nợ phải thu khó đòi, rất có thể sẽ thành không có khả năng thu hồi trong tương lai. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng, sẽ giúp doanh nghiệp giảm được phần nào những tổn thất khi không thể thu hồi được khoản nợ của khách hàng.

-Văn bản quy định về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009, hiệu lực 21/01/2010. Thông tư số 89/2013/TT - BTC ngày 28/6/2013 của BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của BTC.

- ***Điều kiện để trích lập dự phòng:***

+Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

+ Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

+Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc lâm vào tình trạng giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó:

-Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

-Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn hoặc đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.. thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

-Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

-Tài khoản sử dụng 159: Các khoản dự phòng

Bao gồm: +1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn.

+1592: Dự phòng phải thu khó đòi.

+1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Bên Nợ:

-Giá trị dự phòng giảm giá đầu tư ngăn hạn và giảm giá hàng tồn kho được hòa nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn năm trước.

-Giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, được bù đắp bằng số dự phòng đã trích lập.

-Giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi được hòan nhập năm nay phải lớn hơn năm trước.

Bên Có:

-Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi:

1- Vào cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp tiến hành tính toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nếu có phát sinh trước khi lập báo cáo tài chính, kế toán ghi:

Nợ TK 642

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi.

2- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí:

Nợ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

3-Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ các khoản nợ phải thu khó,ghi:

Nợ TK1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 138:Phải thu khác

Đồng thời ghi bên Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

4- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã tiến hành xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế cuat khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK111,112,..

Có TK 711: Thu nhập khác.

5-Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ TK111,112,..:Số tiền thu được từ việc bán các khoản nợ phải thu

Nợ TK1592 : Dự phòng phải thu khó đòi (số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có TK 138 : Phải thu khác.

Ví dụ 3.1: Theo số liệu tính toán thì số tiền công ty cần trích lập dự phòng như sau:

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI.

Tại ngày 31/12/2016

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Minh Hương	68.125.000	1 năm 7 tháng 9 ngày	50%	34.062.500
2	Công ty CP An Liên	40.000.000	6 tháng 12 ngày	30%	12.000.000
...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	**291.356.810**	X	X	**142.269.350**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2016 là 142.269.350 đồng.

Dựa vào số liệu trên, kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 142.269.350

Có TK 159: 142.269.350

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chúng, sổ cái và các sổ kế toán khác có liên quan.

1) Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.

****Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng cuả doanh nghiệp***

Đối với một công ty thương mại như Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, hàng ngày có nhiều hoạt động mua bán được diễn ra, do vậy sẽ rất khó để kiểm soát được các khoản nợ và thanh toán nếu không có hồ sơ khách hàng rõ ràng. Với hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt đầy đủ thông tin về mỗi khách hàng.

Đối chiếu công nợ định kỳ của doanh nghiệp

- Công ty nên thường xuyên đối chiếu công nợ định kỳ vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán. Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ người bán tránh để nợ bị quá hạn.

- Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

- Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày... tháng...năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

– Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.
– Căn cứ vào thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày... tháng....năm... Tại văn phòng Công ty ….., chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên mua): ……

– Địa chỉ :……..
– Điện thoại : Fax:
– Đại diện : Chức vụ:

2. Bên B (Bên bán): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦY LINH**

– Địa chỉ : Số 4/10 Bùi Thị Thị Từ Nhiên, khu Phương Lưu 1- Phường Đông Hải 1- Quận Hải An- Hải Phòng
– Điện thoại : 0313769761 Fax:
– Đại diện : Bùi Duy Luân Chức vụ: **Giám đốc**

Cùng nhau đối chiếu khối lượng và giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kỳ: 0 đồng

Số phát sinh trong kỳ:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
Tổng cộng					
Số dư cuối kỳ					

3. Số tiền bên A đã thanh toán: 0 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.../.../... bên A phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh số tiền là**:**

– Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.

-Chiết khấu thanh toán là: một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đây là một trong những yếu tố cần thiết để doanh nghiệp có thể cạnh tranh với các đối thủ khác.

-Mục tiêu: Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với các biện pháp trên, công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, trước hạn. Như vậy sẽ thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Để theo dõi tình hình thanh toán công ty sẽ mở sổ chi tiết theo mẫu quy định để biết được thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải thu và phải trả

Đơn vị : ..... **Mẫu số S13 - DNN**

Địa chỉ : ..... (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK : 131 ,331)

Tài khoản:.....

Đối tượng : .....

Loại tiền : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ						
			- Cộng số phát sinh	x	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x		

-Sổ này có ..... trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ : .....

Ngày..... tháng ..... năm

Người ghi sổ (Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng (Ký ,họ tên)

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:

+ Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp, mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Eximbank tại ngày 31/12/2016 là 5,2% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9% /năm, công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

-Chiết khấu 0,5% /tháng : đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày.

-Chiết khấu 0,6% /tháng : đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày.

-Chiết khấu 0,7% /tháng : đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

+ Căn cứ vào nhu cầu vốn của doanh nghiệp

***Phương pháp hạch toán:**

-Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định , trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131,111,112,...

Hiệu quả: Khuyến khích khách hàng hợp tác tích cực hơn trong việc thanh toán nợ, hạn chế kéo dài thời gian trong việc thanh toán nợ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thứ 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.

- Kế toán là một quá trình liên quan đến nhiều chi tiết. Nó liên quan đến các quy định, luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Chính vì vậy, sử dụng phần mềm kế toán là một phương pháp tiết kiệm tối đa và hiệu quả nhất. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế… hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với luật pháp.

- Doanh nghiệp có thể tốn nhiều tiền để tuyển nhân viên kế toán chuyên nghiệp, nhưng chỉ có nhân viên tốt là chưa đủ. Để tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả làm việc của những nhân viên đó thì họ cần đến một phần mềm kế toán tốt. Nhà lãnh đạo không nên tốn quá nhiều thời gian vào các nghiệp vụ kế toán vì họ cần nhiều thời gian hơn quan tâm đến việc những chiến lược của doanh nghiệp mình.

- Độ chính xác khi sử dụng phần mềm kế toán là tuyệt đối**.** Vì dữ liệu được cung cấp bằng phần mềm kế toán mang tính nhất quán cao. Trong khi với công tác kế toán thủ công, thông tin trên một chứng từ có thể do nhiều kế toán viên ghi chép trên nhiều sổ sách theo bản chất nghiệp vụ phụ trách, dễ dẫn đến trình trạng sai lệch dữ liệu trên các sổ sách khi tổng hợp lại, kéo theo công tác kế toán tổng hợp sai lệch gây thiệt hại nặng cho doanh nghiệp.
- Các phần mềm kế toán cho phép lập báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.Các mẫu báo cáo được thiết kế đẹp, chuẩn, phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính.

Tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công, dùng máy tính để soạn thảo văn bản, kẻ sổ sách và sử dụng bảng tính Excel trong thanh toán lương, khấu hao TSCĐ. Công việc sẽ dồn rất nhiều vào cuối tháng, ảnh hưởng lớn đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán hiệu quả như Misa, Smart,.. để áp dụng cho doanh nghiệp, mang lại hiệu quả tối đa.

Phần mềm kế toán SMART PRO:

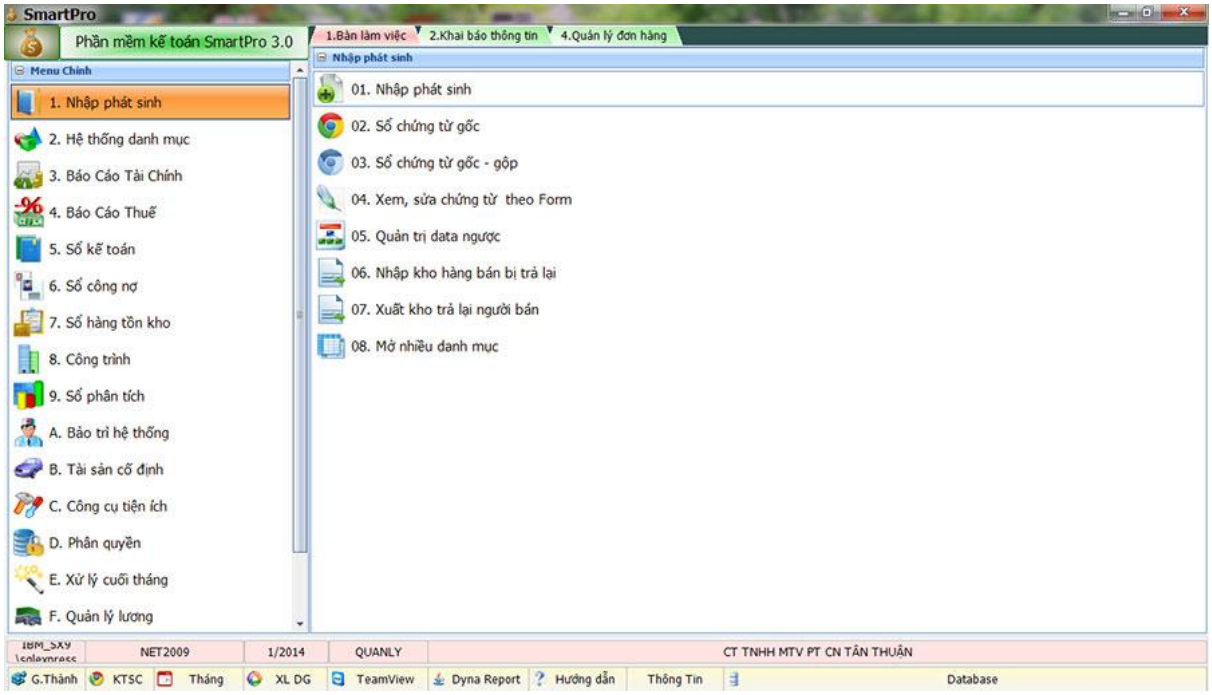

<u>Tính năng</u>:

-Phần mềm kế toán phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một phần mềm làm được nhiều công ty với các lĩnh vực khác nhau: Sản xuất, Xây dựng, Thương mại, Bán Hàng, Dịch vụ, Dược phẩm, Thủy sản, Xuất nhập khẩu…mỗi công ty là mỗi data riêng biệt.

-Phần mềm kế toán SMART PRO cho phép nhập không giới hạn chứng từ, không giới hạn Database. Rất phù hợp với cá nhân làm dịch vụ kế toán, tiết kiệm chi phí**.**

-Chỉ một màn hình nhập dữ liệu không chia theo nhiều phân hệ.
-Phần mềm kế toán Smart Pro nhập dữ liệu rất nhanh, chính xác và kiểm soát hệ thống tài chính của doanh nghiệp hiệu bằng các công cụ dữ liệu được lập trình trên công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic.NET

-Trên cùng một phần mềm mở được nhiều data dữ liệu cho nhiều công ty. Vì lợi thế này mà các bộ phận của công ty và cá nhân làm dịch vụ kế toán xử lý cho nhiều công ty đang triển khai sử dụng.

Phần mềm kế toán MISA:

-MISA SME.NET là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực : Thương mại, Dịch vụ, Xây lắp, Sản xuất.

-Đối với lĩnh vực Thương mại, dịch vụ: MISA SME.NET giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban/ bộ phận, giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.

Đối với lĩnh vực sản xuất, xây lắp: MISA SME.NET giúp doanh nghiệp tính giá thành sản phẩm theo nhiều phương pháp, giúp tiết kiệm thời gian cho các doanh nghiệp trong việc xác định giá thành của sản phẩm

KẾT LUẬN

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh, em đã nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng. Công tác kế toán ở đây tương đối khoa học, hợp lý, mặc dù vẫn còn nhiều thiếu sót, qua đây em cũng đã đưa ra một số ý kiến cá nhân nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại doanh nghiệp như:

- Đưa ra ý kiến về việc trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Đưa ra ý kiến về việc xây dựng các biện pháp thu hồi nợ phải thu.
- Đưa ra ý kiến về việc sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán doanh nghiệp.

Với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những lời nhận xét của thầy cô để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.S Nguyễn Văn Thụ cùng các anh chị trong ban kế toán của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thủy Linh đã tạo điều kiện cho em học hỏi và hoàn thành bài luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!!!

Sinh viên

Đồng Thị Huyền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khóa luận tốt nghiệp của các anh, chị khóa trên trường Đại học dân lập Hải Phòng.
2. Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, cũng như hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3. Thông tư TT228/TT-BTC về trích lập dự phòng phải thu.
4. Sách " *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa sửa đổi bổ sung*", NXB Tài chính, năm 2014.
5. Thư viện số Trường Đại học dân lập Hải Phòng.
6. Các tài liệu khác trên Internet.